

ĐỀ CƯƠNG LỊCH SỬ 11 – GIỮA HỌC KÌ I NĂM HỌC 2021 – 2022

I. MỤC TIÊU

1. Kiến thức

Củng cố lại kiến thức trong chương trình giữa học kì I gồm các bài: 1-> 5.

2. Phẩm chất

- Chăm chỉ, trung thực, trách nhiệm trong quá trình ôn tập, làm bài kiểm tra.

3. Năng lực

- Năng lực chung: Tự chủ, tự học; giải quyết vấn đề sáng tạo; ngôn ngữ .

- Năng lực chuyên biệt bộ môn lịch sử:

+ Tìm hiểu lịch sử.

+ Nhận thức và tư duy lịch sử.

+ Vận dụng kiến thức, kĩ năng đã học.

II. ĐỀ CƯƠNG

1. Hướng dẫn đề cương theo bài

Bài 1. Sự xuất hiện loài người và bầy người nguyên thủy (tích hợp với nội dung Bài 13 theo CV4040)

Nhận biết:

- Nêu được nguồn gốc loài người và quá trình chuyển biến từ Vượn thành Người tối cổ, Người tinh khôn.

- Biết được về đời sống vật chất, tinh thần và tổ chức xã hội trong giai đoạn đầu của xã hội nguyên thủy.

- Biết được cách ngày nay khoảng 30 - 40 vạn năm, Người tối cổ đã sống trên đất nước ta (Lạng Sơn,

Thanh Hoá); sau đó Người tinh khôn (Sơn Vi, Phú Thọ).

Thông hiểu:

- Hiểu được lao động tạo ra con người và xã hội loài người.

Bài 2. Xã hội nguyên thủy (tích hợp với nội dung Bài 13 theo CV4040)

Nhận biết:

- Biết được về đời sống vật chất, tinh thần và tổ chức xã hội trong giai đoạn đầu của xã hội nguyên thủy.

- Biết được sự hình thành của công xã thị tộc (văn hoá Sơn Vi) và sự phát triển của công xã thị tộc (văn hoá Hoà Bình - “cuộc cách mạng đá mới”).

- Liệt kê được sự ra đời của các công cụ lao động bằng kim loại.

- Biết được ở Việt Nam, kĩ thuật luyện kim đã ra đời từ nền văn hóa Phùng Nguyên, Sa Huỳnh, Đồng Nai.

Thông hiểu:

- Hiểu được vai trò của công cụ lao động bằng kim loại và sự tiến bộ của sản xuất, quan hệ xã hội.

- Hiểu được ý nghĩa ra đời của thuật luyện kim và biết được những đặc điểm chính về cuộc sống của các bộ lạc Phùng Nguyên, Sa Huỳnh, Đồng Nai

Vận dụng:

- Phân tích được quá trình tan rã của xã hội nguyên thủy và hiểu nguyên nhân của quá trình đó.

Bài 3. Các quốc gia cổ đại phương Đông.

Nhận biết:

- Nêu được điều kiện tự nhiên, sự hình thành các quốc gia cổ đại phương Đông (Ai Cập, Lưỡng Hà, Trung Quốc, Ấn Độ).
- Biết được thể chế chính trị, hoạt động kinh tế, các lực lượng xã hội của các quốc gia cổ đại Phương Đông.
- Biết được những thành tựu văn hóa của phương Đông cổ đại (thiên văn, lịch, chữ viết, toán học, kiến trúc...)

Thông hiểu:

- Hiểu được các điều kiện tự nhiên với sự hình thành các quốc gia cổ đại phương Đông.
- Hiểu được đặc trưng kinh tế, văn hóa, chính trị, xã hội của các quốc gia cổ đại phương Đông.

Vận dụng:

- Phân tích được các đặc điểm về chính trị, kinh tế, văn hóa, xã hội của chế độ chuyên chế cổ đại ở phương Đông.

Bài 4. Các quốc gia cổ đại phương Tây – Hi Lạp – Rô ma.

Nhận biết:

- Nêu được điều kiện tự nhiên, sự hình thành các quốc gia cổ đại phương Tây (Hi Lạp, Rô-ma).
- Biết được thể chế chính trị, hoạt động kinh tế, các lực lượng xã hội của các quốc gia cổ đại Phương Tây.
- Biết được những thành tựu văn hóa của phương Tây cổ đại (thiên văn, lịch, chữ viết, toán học, kiến trúc...)

Thông hiểu:

- Hiểu được các điều kiện tự nhiên với sự hình thành các quốc gia cổ đại phương Tây.
- Hiểu được đặc trưng kinh tế, văn hóa, chính trị, xã hội của các quốc gia cổ đại phương Tây (thành bang, hoạt động kinh tế, thể chế chính trị: dân chủ cộng hòa).

Vận dụng:

- Phân tích được vai trò của nô lệ đối với chế độ chiếm hữu nô lệ ở phương Tây cổ đại.
- So sánh được những đặc trưng của các quốc gia cổ đại phương Đông với phương Tây (điều kiện hình thành, chính trị, kinh tế, xã hội...)

Vận dụng cao:

- Nhận xét được tác động, ảnh hưởng của mối quan hệ giữa điều kiện tự nhiên với đặc điểm phát triển kinh tế.
- Liên hệ các thành tựu văn hóa cổ đại phương Đông và phương Tây. Đánh giá được sự kế thừa, phát triển của văn minh phương Tây cổ đại.

Bài 5. Trung Quốc thời Phong Kiến

Nhận biết:

- Trình bày sơ giản về sự hình thành xã hội cổ đại ở Trung Quốc.
- Nêu được nét chính về sự hình thành, phát triển của chế độ phong kiến Trung Quốc.
- Biết được những thành tựu văn hóa tiêu biểu của Trung Quốc.

Thông hiểu:

- Trình bày được nét nổi bật về tình hình kinh tế, chính trị, xã hội ở các thời kì Tần, Hán, Đường, Tống, Nguyên và tình hình chính trị thời Minh, Thanh.

Vận dụng:

- Phân tích được đặc trưng về tình hình kinh tế, chính trị, xã hội, văn hóa ở các thời kì Tần, Hán, Đường, Tống, Nguyên và tình hình chính trị thời Minh, Thanh.
- Phân tích được những thành tựu văn hóa Trung Quốc thời phong kiến: Nho giáo, Sử học, Văn học, Kiến trúc, Kỹ thuật...

Vận dụng cao:

- Đánh giá được ảnh hưởng của văn hóa Trung Quốc đối với Việt Nam.

2. Đề minh họa

PHẦN TRẮC NGHIỆM: (7 điểm).

*Nhận biết:

Câu 1. Công cụ lao động nào sau đây của người tối cổ?

- A. Rìu đá.
- B. Cung tên.
- C. Lưỡi cày đồng.
- D. Rìu sắt.

Câu 2. Kỹ thuật chế tạo công cụ lao động nào sau đây của người tối cổ?

- A. Ghè, đẽo, mài một mặt mảnh đá, hòn cuội.
- B. Ghè, đẽo một mặt mảnh đá, hòn cuội.
- C. Láy mảnh đá, hòn cuội có sẵn trong tự nhiên.
- D. Ghè, đẽo hai mặt mảnh đá, hòn cuội.

Câu 3. Cách ngày nay 30 – 40 vạn năm, trên đất nước Việt Nam, các nhà khảo cổ học đã tìm thấy dấu tích nào sau đây?

- A. Loài vượn cổ.
- B. Người tinh khôn.
- C. Người tối cổ.
- D. Công cụ lao động bằng kim loại.

Câu 4. Trong buổi đầu thời đại kim khí, kim loại nào được sử dụng sớm nhất?

- A. Đồng đỏ.
- B. Đồng thau.
- C. Sắt.
- D. Thiếc.

Câu 5. Các quốc gia cổ đại phương Đông được hình thành ở khu vực nào sau đây?

- A. Bờ Bắc Địa Trung Hải.
- B. Trên các vùng núi cao ở Địa Trung Hải.
- C. Lưu vực các dòng sông lớn ở châu Á và châu Phi.
- D. Ở các vùng đồng bằng nhỏ hẹp ở châu Phi.

Câu 6. Loại hình chữ viết nào ra đời sớm nhất ở các quốc gia cổ đại phương Đông?

- A. Chữ tượng hình.
- B. Chữ tượng ý.
- C. Chữ tượng thanh.
- D. Chữ Latinh.

Câu 7. Nhà nước cổ đại phương Đông được hình thành sớm nhất ở đâu?

- A. Ấn Độ.
- B. Ai Cập.
- C. Lưỡng Hà.
- D. Trung Quốc.

Câu 8. Cư dân phương Đông cổ đại sáng tạo ra chữ viết xuất phát từ nhu cầu nào sau đây?

- A. Ghi chép và lưu giữ những gì sắp diễn ra.
- B. Ghi chép và lưu giữ những gì đã diễn ra.
- C. Phục vụ sản xuất nông nghiệp.

D. Nhu cầu tính toán diện tích ruộng đất.

Câu 9. Các quốc gia cổ đại phương Tây, Hi Lạp – Rôma được hình thành ở đâu?

- A. Lưu vực các dòng sông lớn.
- B. Trên các cao nguyên rộng lớn.
- C. Bờ Bắc Địa Trung Hải.
- D. Ở các đồng bằng phì nhiêu.

Câu 10. Thành tựu nào sau đây là một trong những công hiến lớn của cư dân Địa Trung Hải?

- A. Bảng chữ cái gồm 26 chữ.
- B. Nông lịch.
- C. Giấy, thuốc súng, la bàn.
- D. Kim tự tháp.

Câu 11. Với địa hình phần lớn là đồi núi và cao nguyên, công cụ lao động kim loại nào ra đời đã thúc đẩy sự phát triển kinh tế của cư dân Địa Trung Hải thời cổ đại?

- A. Sắt.
- B. Đồng.
- C. Thiếc.
- D. Đồng đỏ.

Câu 12. Ngành kinh tế nào đóng vai trò chủ đạo ở các quốc gia cổ đại phương Tây?

- A. Nông nghiệp thâm canh.
- B. Chăn nuôi và đánh cá.
- C. Thủ công nghiệp và thương nghiệp.
- D. Làm gốm và đánh cá.

Câu 13. Triều đại nào khởi đầu xây dựng bộ máy chính quyền phong kiến ở Trung Quốc?

- A. Nhà Tần.
- B. Nhà Hán.
- C. Nhà Minh.
- D. Nhà Đường.

Câu 14. Chức quan nào được các hoàng đế nhà Đường thời phong kiến Trung Quốc đặt thêm để trấn ải các miền biên cương?

- A. Thừa tướng.
- B. Tiết độ sứ.
- C. Thái úy.
- D. Quan võ.

Câu 15. Bốn phát minh quan trọng nào của Trung Quốc thời phong kiến có đóng góp to lớn cho nền văn minh nhân loại?

- A. Giấy, kỹ thuật in, la bàn, thuốc súng.
- B. Kỹ thuật in, đóng thuyền, thuốc súng, giấy.
- C. Giấy, kỹ thuật in, thuốc súng, luyện kim.
- D. Thuốc súng, giấy, kỹ thuật in, làm gốm.

Câu 16. Chính sách lấy ruộng đất công, ruộng đất hoang chia cho nông dân dưới thời Đường được gọi là chế độ gì?

- A. Quân điền.
- B. Lộc điền.
- C. Phát canh.
- D. Tô, dung, điệu.

***Thông hiểu:**

Câu 17. Quá trình chuyển biến nào được coi là bước nhảy vọt lần thứ hai trong quá trình tiến hóa của loài người?

- A. Từ người tối cổ thành người tinh khôn.
- B. Từ vượn cổ thành người tối cổ.
- C. Từ vượn cổ thành người tinh khôn.
- D. Từ thời đá cũ sang thời đại kim khí.

Câu 18. Nội dung nào sau đây phản ánh **không** đúng ý nghĩa của sự ra đời các công cụ lao động bằng kim loại?

- A. Nguyên tắc công bằng và bình đẳng được đề cao.
- B. Tư hữu xuất hiện.
- C. Quan hệ cộng đồng bị phá vỡ.
- D. Gia đình phụ hệ thay thế cho gia đình mẫu hệ.

Câu 19. Nguyên nhân nào sau đây dẫn đến sự tan rã của xã hội nguyên thủy?

- A. Tư hữu xuất hiện, xã hội phân chia giai cấp.
- B. Trình độ hiểu biết của con người ngày càng cao.
- C. Sự xung đột liên tục giữa các bộ lạc.
- D. Nguyên tắc vàng được xác lập.

Câu 20. Nguyên nhân nào sau đây dẫn tới sự ra đời sớm của các quốc gia cổ đại phương Đông?

- A. Nhu cầu trị thủy và chống ngoại xâm.
- B. Cùng chế tạo công cụ lao động.
- C. Sự gắn kết để săn bắt, hái lượm.
- D. Để phát triển kinh tế.

Câu 21. Ý nào sau đây phản ánh **không** đúng đặc điểm của nô lệ ở phương Đông cổ đại?

- A. Được coi là “công cụ biết nói”.
- B. Là các tù binh chiến tranh.
- C. Chuyên làm việc nặng nhọc.
- D. Không phải là lực lượng sản xuất chính.

Câu 22. Cư dân cổ đại phương Đông sáng tạo ra nông lịch xuất phát từ nhu cầu nào sau đây?

- A. Sản xuất nông nghiệp.
- B. Sản xuất thủ công nghiệp.
- C. Nghiên cứu khoa học.
- D. Quản lí đất nước.

Câu 23. Các nước cổ đại phương Tây không thể hình thành các quốc gia rộng lớn là vì lí do nào sau đây?

- A. Đồng bằng nhỏ hẹp và bị chia cắt.
- B. Các quốc gia đều tiếp giáp với biển.
- C. Có nhiều dòng sông lớn cắt ngang.
- D. Không có các cao nguyên.

Câu 24. Lí do nào mà đến thời cổ đại Hi Lạp – Rôma, những hiểu biết khoa học mới thực sự trở thành khoa học?

- A. Tính chính xác và giá trị khái quát hóa cao.
- B. Đặt nền móng cho khoa học phương Đông cổ đại.
- C. Tạo điều kiện cho kinh tế phát triển.
- D. Hỗ trợ đắc lực cho lĩnh vực kiến trúc.

Câu 25. Việc tìm thấy những đồng tiền cổ nhất thế giới của người Hi Lạp và Rô ma cổ đại đã thể hiện ý nghĩa nào sau đây?

- A. Hoạt động thương mại và lưu thông tiền tệ phát đạt.
- B. Nghề đúc tiền rất phát triển ở châu Á và châu Phi.
- C. Thị quốc hình thành và phát triển rộng lớn.
- D. Đô thị phát triển với hoạt động buôn bán.

Câu 26. Nhà Thanh **không** thực hiện chính sách nào sau đây?

- A. Áp bức dân tộc.
- B. Phong vương, phong tước.
- C. Bế quan tỏa cảng.
- D. Khuyến khích khẩn hoang.

Câu 27. Sau khi thành lập, nhà Đường ở Trung Quốc đã thực hiện nhiều biện pháp tăng cường bộ máy cai trị, **ngoại trừ**:

- A. Nâng cao quyền lực tuyệt đối của Hoàng đế.
- B. Cử người thân tín cai quản địa phương.
- C. Xóa bỏ chế độ thi cử để tuyển chọn quan lại.
- D. Cử các công thần giữ chức Tiết độ sứ.

Câu 28. Nho giáo trở thành hệ tư tưởng thống trị trong xã hội phong kiến Trung Quốc vì lí do nào sau đây?

- A. Trở thành công cụ sắc bén phục vụ cho nhà nước phong kiến tập quyền.
- B. Phù hợp với tư tưởng, đạo đức, truyền thống của người Phương Đông.
- C. Nội dung tư tưởng có tính tiên bộ, nhân văn.
- D. Có tác dụng giáo dục đạo đức con người.

PHẦN TỰ LUẬN: (3 điểm)

Câu 1. (2 điểm)

Văn hóa cổ đại Hi Lạp – Rôma đã đạt được những thành tựu nổi bật nào? Tại sao thời cổ đại, văn hóa Hi Lạp – Rôma có thể phát triển được như thế?

Câu 2. (1 điểm)

Anh/chị hãy đánh giá ảnh hưởng của chính sách áp bức dân tộc của triều Thanh đối với sự phát triển của lịch sử Trung Quốc?

=====HẾT=====